TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 512/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2017/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1981. (có mặt)

Cư trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1989. (xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Ông và bà N sống chung với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 01/2017 ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cự cải. Hiện nay tình cảm không còn, ông xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 21/7/2007. Hiện nay cháu P đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại tờ tự khai ngày 20/11/2017 bà Trần Thị Yến N trình bày: Thời gian chung sống, thời gian ly thân cũng như những mâu thuẫn mà ông L trình bày là đúng. Nay ông L xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 21/7/2007. Hiện nay cháu P đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L, việc ông L và bà Nthuận tình ly hôn là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Con chung hiện nay do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu P là được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu P, nghĩ nên để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Hữu L khởi kiện bà Trần Thị Yến N, bà N cư trú Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Yến N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà Nlà hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa ông L và bà Nkhông thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông L và bà Nly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay không còn liên lạc, ông L xin ly hôn, bà Ncó ý kiến đồng ý ly hôn với ông L . Tại phiên tòa, ông L xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 21/7/2007. Hiện cháu Pđang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu P đã sống ổn định với bà N, cháu P cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, ông L cũng đồng ý để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2017, ông Hồ Văn V trưởng ấp T cung cấp thông tin, cháu P sống với bà N vẫn được đi học, phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà bà N sinh sống hiện tại cũng gần trường học, trạm y tế, đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu P. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà N là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà N yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con chung trưởng thành, ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N. Theo quy định pháp luật, khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương cơ bản do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con chưa thành niên. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng.

[5]. *Về tài sản chung:* Không có, không đề cập giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Không có, không đề cập giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông L và bà N thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Ông Nguyễn Hữu L.

[1]. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu L được ly hôn với bà Trần Thị Yến N.

[2]. Về con chung: Bà Trần Thị Yến N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 21/7/2007.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 21/7/2007 mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi con chung thành niên.

Bà Trần Thị Yến N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ông Nguyễn Hữu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[5]. Về nợ chung*:* Không có, không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014444 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới